

# Doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược ở Việt Nam giai đoạn 2021- 2030

HOÀNG XUÂN LONG\*

HOÀNG LAN CHI\*\*

**Tóm tắt:** Phát triển ở Việt Nam đang gặp phải những cản trở to lớn, tuy vậy, chúng ta đặt ra mục tiêu phát triển vượt bậc trong giai đoạn 10 năm tới. Điều này đòi hỏi phải coi doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) là một đột phá chiến lược. Đột phá chiến lược bằng doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST có những đặc điểm cơ bản như: doanh nghiệp là trung tâm của gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế; doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST đột phá thẳng vào nút thắt cơ bản cản trở quá trình phát triển lâu dài; với đột phá chiến lược là doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST, KH, CN&ĐMST là đối tượng hướng tới của các giải pháp thay vì thuộc về các giải pháp; Doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST làm đột phá chiến lược sẽ có khả năng quy tụ sức mạnh của nhiều thành phần tham gia giải quyết vấn đề cơ bản trong phát triển kinh tế ở nước ta: doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST bao gồm nhiều loại như doanh nghiệp đổi mới công nghệ, doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu và phát triển, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN...; Đột phá chiến lược của doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST sẽ là một trong những cách nâng cao vai trò của KH, CN&ĐMST thực chất và thực tế.

**Từ khóa:** Đột phá chiến lược, doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Việt Nam.

## 1. Ý nghĩa của đột phá chiến lược

Có các dạng phát triển khác nhau. Dạng phát triển thông thường phải vượt qua các cản trở không đáng kể với các bước tiến mang tính chậm tiến. Bên cạnh đó, có dạng phát triển phải đối mặt những cản trở to lớn, hướng tới bước tiến nhảy vọt và thay đổi về chất. Ở dạng phát triển sau, giữa hiện tại và mục tiêu có khoảng cách rất lớn. Khoảng cách này chỉ có thể thu

hẹp, xóa bỏ bằng nhưng đột phá thay vì bằng cách tiếp cận giản đơn và cộng dồn các bước tiến nhỏ lẻ. Đột phá chiến lược có khả năng tạo nên cục diện mới với thể mới, chất mới.

Đột phá chiến lược là một cách phát triển giúp tăng thêm hiệu quả và tính khả thi trong phát triển:

- Trong rất nhiều công việc phải tiến hành để phát triển khoa học và công nghệ, cần chỉ ra một

\* Bộ Khoa học và Công nghệ

số vấn đề phải tập trung ưu tiên giải quyết. Thông qua một số công việc tập trung giải quyết được sẽ tạo điều kiện cho các công việc khác.

- Đột phá chiến lược tập trung các nguồn lực đầu tư cho một số lĩnh vực cụ thể. Nguồn lực được tập trung đúng chỗ sẽ tạo sự phát triển mạnh mẽ, vượt trội so với sử dụng nguồn lực một cách dàn trải... Dù có nhiều nguồn lực nhưng nếu sử dụng phân tán hoặc tập trung không đúng chỗ sẽ không mang lại hiệu quả và gây nên lãng phí. Trái lại, với nguồn lực hạn hẹp, nếu tập trung vào đúng khâu đột phá sẽ mang lại những chuyển biến đáng kể.

- Đột phá chiến lược chọn ra được lực lượng đảm nhiệm vai trò, sứ mệnh nòng cốt, tiên phong trong phát triển của đất nước. Ở đây cần nhân mạnh, khái niệm ưu tiên thường được hiểu một chiều là dành quyền lợi cho một số đối tượng nhất định. Tuy nhiên, một chiều quan trọng khác chính là tập trung cho đối tượng có vai trò, sứ mệnh đặc biệt trong sự phát triển chung.

- Đột phá chiến lược làm tăng tính khả thi của phương án phát triển. Ưu tiên là kết hợp hài hòa giữa tổng thể và cụ thể, giữa dài hạn và trước mắt. Định hướng ưu tiên giúp giải quyết vấn đề theo hướng tư duy tổng thể - hành động cụ thể.

- Đột phá chiến lược giúp tăng tính chủ động can thiệp của nhà nước vào phát triển. Nhà nước có thể tập trung nguồn lực cho định hướng ưu tiên để thúc đẩy sự phát triển quốc gia. Đột phá chiến lược có ý nghĩa tăng cường tính thuyết phục, tính hệ thống và tính hành động của văn bản chiến lược. Trong văn bản chiến lược có nhiều nội dung về tầm nhìn, quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp và tổ chức thực hiện. Các nội dung khác nhau đảm bảo cho văn bản chiến lược có tính toàn diện. Trong khi đó, nội dung đột phá có thể làm rõ hơn về đường nét cơ bản trong văn bản chiến lược. Đó là một trong những điểm cơ bản phân biệt chiến lược với các văn bản chính sách thông thường và phân biệt giữa các chiến lược khác nhau. Đột phá chiến lược còn

đóng vai trò xâu chuỗi các nội dung khác nhau trong văn bản chiến lược.

Lịch sử gần đây ở Việt Nam đã có những dẫn chứng thực tế khẳng định ý nghĩa của đột phá chiến lược như trong thời kỳ chiến tranh chống đế quốc Mỹ, trong giai đoạn chuyển cơ chế quản lý từ kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, thời kỳ tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, Buôn Ma Thuột là điểm đột phá chiến lược mở đầu cho chiến cuộc. Buôn Ma Thuột không phải là một vị trí quân sự mạnh, nhưng lại rất hiểm. Chọn mục tiêu tiến công là yếu và hiểm là Buôn Ma Thuột, ta đã nhanh chóng đánh chiếm, giải phóng cả Tây Nguyên và vùng đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ, tiến về giải phóng Sài Gòn... Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mở đầu bằng trận đánh “điểm huyết” Buôn Ma Thuột đã đạt được thắng lợi. Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên làm rung chuyển, đảo lộn cả thế trận của địch và tạo cho ta sự phát triển vô cùng thuận lợi, biến thắng lợi chiến dịch thành thắng lợi chiến lược, tạo ra cục diện mới của chiến lược trong kế hoạch giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp từng tồn tại lâu dài ở nước ta. Việc đổi mới cơ chế cũng từng đặt ra nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp. Mấu chốt của công cuộc Đổi mới là giải quyết cho được câu chuyện giá - lương - tiền, tức là giải quyết được khâu đột phá của nền kinh tế, khai thác cho được động lực, ý chí phấn đấu của mỗi doanh nghiệp, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Chúng ta đã trải qua thời kỳ lạm phát từ ba con số trong suốt những năm 1980 cho đến đầu những năm 1990, lạm phát mới giảm về hai con số và được kiềm chế giữ ở mức ổn định, nhờ vậy, chúng ta cũng giữ được “sức khỏe” của ngân hàng và nền kinh tế. Thành công này là nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước ta, chúng ta đã có những bước đi, hành động đúng đắn, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế. Chính

sách tiền tệ cũng theo sát kinh tế thị trường, bảo đảm cân đối giữa tiền và hàng. Giá của đồng tiền, ở đây là lãi suất và giá của ngoại tệ (tỷ giá) ổn định. Chúng ta có thể chủ động điều chỉnh tiền tệ tùy theo biến động của nền kinh tế thế giới.

Một kinh nghiệm khác là các đột phá được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển đất nước giai đoạn vừa qua. Nhờ các đột phá chiến lược mà kinh tế - xã hội nước ta đã có những bước chuyển đáng kể và tạo tiền đề cho sự phát triển của giai đoạn tiếp theo.

## 2. Phát triển ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 cần đột phá chiến lược liên quan tới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

### 2.1. Phát triển ở Việt Nam đang phải đối mặt với những cản trở to lớn

Phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng ở nước ta đang phải đối mặt với những cản trở to lớn. Cản trở lớn thứ nhất là chúng ta đứng trước giới hạn phát triển trong khuôn khổ nền kinh tế chủ yếu dựa trên nguồn lực truyền thống như tài nguyên khoáng sản, lao động, vốn. Các thành tựu đạt được vừa qua là khá rõ nét; tính chung trong giai đoạn 2011 - 2020, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) dự kiến đạt khoảng 6,35%/năm (thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới), chỉ số đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp tính chung trong 10 năm 2011 - 2020 đạt 39,3%, tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,8%/năm... Tuy nhiên, thực chất thành công này là ở chỗ chỉ dựa vào các nguồn lực truyền thống mà vẫn đạt được những bước tiến. Mỗi bước tiến vừa qua là nỗ lực triệt để khai thác điều kiện hiện có và dần tiến tới giới hạn cho phép hơn là đẩy lùi giới hạn của mô hình kinh tế cũ. Xu thế chững lại gần đây của tăng trưởng kinh tế cũng là dấu hiệu thể hiện trên thực tế của giới hạn này.

Để phát triển cần vượt qua giới hạn của mô hình kinh tế dựa trên nguồn lực truyền thống.

Cản trở lớn thứ hai là trong nền kinh tế nước ta đang xuất hiện ngày càng rõ những vòng xoáy như: Hạn chế về năng suất lao động → hạn chế sức cạnh tranh → hạn chế về giá trị gia tăng → hạn chế đầu tư để tăng năng suất lao động; Đầu tư ít → hoạt động kinh tế kém hiệu quả → giá trị gia tăng → đầu tư ít; Hạn chế trong sản xuất → hạn chế trong lưu thông → hạn chế trong sản xuất... Đây là những vòng xoáy khá bền vững và không tự mất đi. Các vòng xoáy tạo nên sự bế tắc và thách thức trong lựa chọn điểm bắt đầu cho tiến trình thay đổi. Để phát triển cần phá thế luẩn quẩn, chuyển hóa quan hệ tương tác tiêu cực thành hiệu ứng tương tác tích cực.

Cản trở lớn thứ ba liên quan tới các nhân tố mới đã hình thành vừa qua. Những năm gần đây đã xuất hiện những nhân tố đại diện cho mô hình kinh tế mới - kinh tế dựa trên KH, CN&ĐMST như liên kết viện - nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN, cụm đổi mới... Chính sự xuất hiện và phát huy tác dụng của các nhân tố mới đã góp phần phát triển kinh tế ở nước ta. Đồng thời, phát triển và phát huy tác dụng của nhân tố kinh tế dựa trên KH, CN&ĐMST bị kìm hãm bởi các chèn ép từ hệ thống cũ trên nhiều mặt như thể chế, nhân lực, hạ tầng... Mâu thuẫn giữa mô hình kinh tế cũ và mô hình kinh tế mới không thể giải quyết thông qua cơ chế thị trường hoặc các chính sách thông thường. Chỉ những can thiệp quyết liệt và đủ mạnh của nhà nước mới có thể mang lại lợi thế cho các nhân tố thuộc mô hình kinh tế mới.

Các giới hạn phát triển, vòng xoáy luẩn quẩn và mâu thuẫn nêu trên đều liên quan đến KH, CN&ĐMST<sup>1</sup>. Có thể thấy, cần có đột phá liên quan tới KH, CN&ĐMST để dỡ bỏ cản trở đang kìm hãm phát triển ở nước ta<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Ngoài KH, CN&ĐMST còn có một số lĩnh vực khác như thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, nguồn nhân lực, hệ thống kết cấu hạ tầng, văn hóa; tuy nhiên ở bài viết này chỉ tập trung vào KH, CN&ĐMST.

<sup>2</sup> Điều này giống với luận điểm của Lê Nin: "Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững, được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc

## 2.2. Việt Nam đang hướng tới mục tiêu phát triển vượt bậc

Mục tiêu phát triển đề ra là đến năm 2030 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao. Mục tiêu này có thể diễn giải rõ hơn như sau:

- Có sự kết hợp giữa mức thu nhập và trình độ công nghiệp hóa. Thu nhập trung bình cao phải là kết quả của nền kinh tế công nghiệp hóa theo hướng hiện đại; công nghiệp hóa theo hướng hiện đại phải mang kết quả cụ thể là thu nhập trung bình cao.

- Có khoảng cách đáng kể giữa xuất phát điểm hiện tại và mục tiêu đạt tới. Đó không chỉ là từ thu nhập trung bình lên thu nhập trung bình cao, từ gần 3.000 USD/người/năm lên 8.000 - 9.000 USD/người/năm<sup>3</sup>... mà còn là các khoảng cách về gắn kết KH&CN và kinh tế thể hiện trên các tiêu chí như theo các bậc của phát triển KH&CN trong công nghiệp hóa, chúng ta đang ở bậc thứ hai vươn lên bậc thứ tư<sup>4</sup>; Theo trình độ phát triển công nghệ, chúng ta đang ở trình độ 2 vươn lên trình độ 4<sup>5</sup>...

- Thời gian thực hiện mục tiêu là mười năm. Việt Nam phải vượt qua điểm mốc mà các nước đi trước thường thực hiện trong quãng thời gian dài hơn một thập kỷ. Dù có lợi thế của nước đi sau, khoảng cách phải chinh phục đặt trong một thập kỷ vẫn tạo thêm cho chúng ta những thách thức đáng kể.

sang mắt xích kế bên. Trình tự nối tiếp, hình thức, mối liên hệ của các mắt xích và những đặc điểm khác nhau của mắt xích này với mắt xích khác trong cái xích của những sự biến lịch sử đều không đơn giản và cũng không phải sơ sài như trong cái xích thường do bàn tay người thợ rèn làm ra..." (V. I. Lê Nin, Toàn tập, Tập 27, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 349).

<sup>3</sup> Tạm so sánh theo tình hình thu nhập bình quân đầu người giữa các nước vào thời điểm 2019, Việt Nam đang đứng thứ 135, trong khi nước có mức thu nhập bình quân đầu người 8 000 – 9.000 USD đứng khoảng 85. Theo một ý nghĩa nào đó (có thể không hoàn toàn chính xác nhưng dễ hình dung), muốn đạt mục tiêu đề ra, chúng ta phải vượt lên 50 bậc trong thứ tự thu nhập bình quân đầu trên thế giới.

<sup>4</sup> Các bậc của phát triển KH&CN trong công nghiệp hóa bao gồm: i) Phổ biến là các công nghệ truyền thống - dựa

- Phát triển ở nước ta trong giai đoạn tới gắn với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên thế giới. Yêu cầu nắm bắt cơ hội từ Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho thấy thêm khoảng cách lớn giữa trạng thái hiện tại và nhiệm vụ phải thực hiện.

- Điểm mốc đạt tới vào năm 2030 cũng là bước quá độ để tiến tới mục tiêu Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2045.

Càng phân tích sâu mục tiêu hướng tới, chúng ta càng thấy cần có sự đột phá phát triển. Không thể tậm tĩn mà phải nhảy vọt; không thể tuần tự mà phải đi tắt - đón đầu và đi thẳng vào tiên tiến, hiện đại. Điều này liên quan tới KH, CN&ĐMST. Chỉ dựa vào đột phá liên quan tới KH, CN&ĐMST mới có thể đạt được kỳ vọng là đến năm 2030 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao.

## 3. Doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược trong giai đoạn phát triển mới

Hệ thống KH, CN&ĐMST bao gồm nhiều nhiều thành phần khác nhau. Theo lĩnh vực có khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ; theo loại hình có nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ; theo nguồn lực có nhân lực, tài chính, tin lực...; theo chủ thể có tổ chức KH&CN, nhóm nghiên cứu,

trên kinh nghiệm (ứng với tiền công nghiệp hóa); ii) Chú trọng nhập công nghệ từ nước ngoài (ứng với đang công nghiệp hóa); iii) Bắt chước, cải tiến công nghệ nhập từ bên ngoài (ứng với bán công nghiệp hóa); iv) Kết hợp công nghệ tự làm với công nghệ nhập (ứng với công nghiệp hóa mới); v) Phát triển nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm để tạo ra công nghệ mới (ứng với dẫn đầu trong công nghiệp hóa).

<sup>5</sup> Có 7 trình độ phát triển công nghệ: i) Nhập công nghệ để thỏa mãn nhu cầu tối thiểu; ii) Tổ chức hạ tầng kinh tế ở mức tối thiểu để tiếp thu công nghệ nhập; iii) Tạo nguồn công nghệ từ nước ngoài thông qua lắp ráp (SKD, CKD, IKD); iv) Phát triển công nghệ nhờ lixăng; v) Đổi mới công nghệ nhờ nghiên cứu và triển khai; vi) Xuất khẩu công nghệ trên cơ sở nghiên cứu và triển khai; vii) Liên tục đổi mới công nghệ dựa trên đầu tư cao về nghiên cứu cơ bản.

cá nhân, doanh nghiệp, cụm đổi mới...; theo trình độ có thấp, trung bình, cao; ... Mỗi thành phần này có đặc điểm và ý nghĩa riêng. Đột phá trong phát triển thời gian tới không thể là toàn bộ các thành phần của hệ thống KH, CN&ĐMST và cũng không thể là một thành phần bất kỳ trong hệ thống KH, CN&ĐMST nước ta. Cần lựa chọn ra một thành phần phù hợp nhất và đó chính là doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST.

Có một số điểm đáng chú ý về doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST.

Cùng với sự phát triển của lịch sử đã hình thành rõ một số xu hướng có ảnh hưởng tới KH, CN&ĐMST của doanh nghiệp: tăng cường gắn kết nghiên cứu và sản xuất cho phép nhận biết rõ về hiệu quả kinh tế của hoạt động KH, CN&ĐMST; tăng cường cạnh tranh đòi hỏi sự linh hoạt đã nâng cao nhu cầu áp dụng KH, CN&ĐMST trong sản xuất; gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản đòi hỏi doanh nghiệp phải chú ý đến cả nghiên cứu cơ bản - từ đó yêu cầu tăng đầu tư và cũng tạo điều kiện để tăng khác biệt trong cạnh tranh đầu tư cho KH, CN&ĐMST; thu ngắn khoảng cách từ nghiên cứu đến ứng dụng vào sản xuất khuyến khích đầu tư vào KH, CN&ĐMST nhưng cũng đòi hỏi tăng tính chủ động của doanh nghiệp trong KH, CN&ĐMST; Thị trường công nghệ phát triển mở ra nhiều cơ hội để doanh nghiệp tìm kiếm các sản phẩm nghiên cứu khoa học từ bên ngoài và cũng tạo cơ hội cho doanh nghiệp kiếm lời bằng cách bán công nghệ do mình tạo ra; tăng cường quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với các tổ chức KH&CN cho phép mở rộng quan hệ phối hợp trong KH, CN&ĐMST; Tăng tiềm lực của doanh nghiệp (bao gồm cả khả năng huy động bên ngoài) cho phép dành nhiều đầu tư cho KH, CN&ĐMST trong doanh nghiệp; uy thế của KH, CN&ĐMST tăng khiến nhiều doanh nghiệp dựa vào đó để tạo hình ảnh. Nhìn chung, các ảnh hưởng này có tác động nhiều chiều tới động cơ và khả năng của doanh nghiệp tham gia KH, CN&ĐMST.

Có thể coi doanh nghiệp là trung tâm của gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế. Doanh nghiệp

đóng vai trò đầu mối quy tụ các thành phần khác tham gia vào quan hệ này. Luôn tồn tại tác động qua lại giữa các thành phần, tuy nhiên, ảnh hưởng từ doanh nghiệp lại mang tính chi phối rõ rệt bởi nhu cầu ứng dụng KH, CN&ĐMST phát ra chủ yếu từ đó. Doanh nghiệp là nơi thu hút sự phục vụ của các thành phần khác. Viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tín dụng, cơ quan nhà nước... đều hướng vào doanh nghiệp. Tính độc lập của các thành phần bị giảm bớt do ảnh hưởng của doanh nghiệp và được bù đắp bởi quan hệ liên kết với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là cốt lõi của quan hệ gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế. Hoạt động liên quan tới gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế có thể diễn ra ở nhiều nơi nhưng trọng tâm lại tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp tham gia đầu tư tạo ra tri thức đổi mới và sử dụng tri thức đổi mới để tạo ra giá trị kinh tế; hoàn thiện (bổ sung, cải tiến) tri thức đổi mới; thống nhất các loại tri thức công nghệ, tri thức tổ chức, tri thức tiếp thị... Thêm nữa, càng ngày càng nhiều doanh nghiệp tạo ra tri thức gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Việc doanh nghiệp xem xét ứng dụng KH&CN dưới góc độ lợi ích. Phối hợp lợi ích giữa KH&CN và các yếu tố sản xuất truyền thống chủ yếu thực hiện theo cơ chế thị trường. Doanh nghiệp vốn gắn gũi với cơ chế này. Dựa theo tín hiệu thị trường, doanh nghiệp quyết định lựa chọn KH&CN để ứng dụng và ứng dụng vào sản xuất nào, ứng dụng bao nhiêu, ứng dụng vào lúc nào. Quyết định của doanh nghiệp không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của ông chủ mà chịu sự chi phối của các quy luật thị trường. Ở đây có sự khác biệt rõ rệt giữa doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN và doanh nghiệp tài trợ cho KH&CN.

Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm của gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế phải là những doanh nghiệp tiến hành hoạt động KH, CN&ĐMST và thể hiện các đặc điểm nêu trên. Những doanh nghiệp khác không phải là trung tâm của quan hệ gắn kết KH, CN&ĐMST với

kinh tế. Lấy doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST làm trung tâm cũng cho thấy những khó khăn cơ bản trong phát triển kinh tế dựa trên KH, CN&ĐMST. Trên thực tế không dễ có được doanh nghiệp tiến hành hoạt động KH, CN&ĐMST. Bản thân các doanh nghiệp thường có những khoảng cách giữa mong muốn hoạt động KH, CN&ĐMST và thực hiện hoạt động KH, CN&ĐMST, giữa nhận biết đòi hỏi của thị trường phải đổi mới công nghệ với nhận biết về công nghệ mới...

Ở Việt Nam hiện nay, doanh nghiệp với tư cách là chủ thể hoạt động sản xuất lại chưa mấy hào hứng với KH, CN&ĐMST. Các hiện tượng như chưa chú ý đến đầu tư cho KH, CN&ĐMST, xây dựng và thực thi các chiến lược và kế hoạch về KH, CN&ĐMST, hình thành các bộ phận chăm lo phát triển và ứng dụng KH&CN, đào tạo nhân lực KH&CN, mở rộng quan hệ liên kết về KH, CN&ĐMST... là những biểu hiện chứng tỏ mức độ sẵn sàng hoạt động KH, CN&ĐMST của doanh nghiệp không cao. Cần tập trung khắc phục hạn chế trong hoạt động KH, CN&ĐMST của doanh nghiệp mới có thể thúc đẩy phát triển kinh tế dựa trên KH, CN&ĐMST.

#### **4. Một số đặc điểm cơ bản của đột phá chiến lược bằng doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Đột phá chiến lược bằng doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST có một số đặc điểm cơ bản đáng chú ý.

*Một là*, doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST không phải là loại đột phá nhằm vào một khâu ở vòng ngoài của hệ thống và có thể giải quyết dứt điểm trong một thời gian ngắn. Đây là đột phá thẳng vào nút thắt cơ bản cản trở quá trình phát triển lâu dài.

Đột phá về doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST không trực tiếp thể hiện sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế mà là thông qua khâu trọng tâm để lan tỏa đến phát triển chung.

Những đặc điểm này của đột phá phù hợp với đặc điểm của phát triển kinh tế nước ta đã được phân tích tại Mục 2. Đột phá chính là tìm ra

trọng điểm cần được tập trung nguồn lực giải quyết để tạo cục diện phát triển mới. Doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST chính là điểm trung tâm này.

*Hai là*, với đột phá chiến lược là doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST, KH, CN&ĐMST không chỉ là giải pháp phát triển kinh tế. Giải pháp dù quan trọng vẫn là nhằm vào phục vụ cho đối tượng nhất định và phục thuộc vào đối tượng đó. Đột phá là đối tượng hướng tới của các giải pháp thay vì thuộc về các giải pháp. Hơn nữa, quan hệ giữa đột phá với phát triển tổng thể chung là tác động lan tỏa từ điểm ra diện hơn là tác động từ giải pháp đến đối tượng phục vụ.

Trong giai đoạn lịch sử hiện nay, KH&CN và kinh tế đã có quan hệ chặt chẽ và lồng quyện vào nhau. KH&CN trở thành yếu tố, thành phần nội tại của kinh tế. Trong đó, cần nhấn mạnh tới doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST.

*Ba là*, tham gia vào gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế có nhiều thành phần như ngành kinh tế dựa trên KH, CN&ĐMST, tổ chức KH, CN&ĐMST có hoạt động kinh tế, cụm đổi mới, liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp... Xác định doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST là đột phá chiến lược không có nghĩa loại trừ hoàn toàn các thành phần khác.

Xuất hiện đột phá chiến lược cho phép tổ chức phối hợp các thành phần một cách tập trung, có định hướng và mang lại hiệu quả cao. Một mặt doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST thu hút, quy tụ nhiều thành phần; mặt khác, các thành phần khác thông qua doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST để phát triển và phát huy tác dụng. Có thể coi các thành phần khác là công cụ và giải pháp phát triển doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST. Cũng có thể nói, một trong những lý do lựa chọn doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST làm đột phá chiến lược là khả năng quy tụ sức mạnh của nhiều thành phần tham gia giải quyết vấn đề cơ bản trong phát triển kinh tế ở nước ta.

*Bốn là*, doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST bao gồm nhiều loại như doanh

ngành đổi mới công nghệ, doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu và phát triển, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN... Các loại này khác nhau về mức độ gắn kết KH, CN&ĐMST với kinh tế. Tuy nhiên, có lý do để gộp chung chúng vào đột phá chiến lược:

- Phát triển kinh tế ở nước trong giai đoạn tới vốn đa dạng. Các loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST có tương ứng với các dạng phát triển kinh tế cơ bản.

- Các loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST khác nhau là cơ sở để tạo mối quan hệ với nhiều thành phần khác nhau bên ngoài và thu hút nhiều nguồn lực khác nhau. Số lượng loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST cũng tạo nên quy mô, phạm vi đột phá đủ lớn để có ảnh hưởng đến phát triển chung.

- Bao gồm các loại khác nhau cho phép đánh giá động thái phát triển của đột phá chiến lược. Sự phát triển đột phá chiến lược không chỉ thay đổi về quy mô doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST mà còn thay đổi về cơ cấu, tương quan giữa các loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST.

- Các loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST có thể có những quan hệ tương tác, thúc đẩy nhau phát triển. Đó là quan hệ nội bộ bên trong đột phá chiến lược cần triệt để khai thác.

- Có nhiều loại chính sách phù hợp để thúc đẩy nhiều loại doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST với vai trò là đột phá chiến lược. Bên cạnh chính sách chung cho doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST còn có chính sách riêng đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN...

*Năm là*, đột phá chiến lược về doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST không chỉ dừng lại là những thông điệp chung chung, độc lập mà phải được thể hiện một cách rõ ràng và cụ thể, mang tính hành động, gắn kết chặt chẽ với các nội dung khác trong một văn bản chiến lược. Đột phá chiến lược về doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST được thể hiện nhất quán và xuyên

suốt trong tất cả các phần cơ bản của văn bản chiến lược như quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển, định hướng phát triển, giải pháp phát triển và tổ chức thực hiện. Cụ thể là: phần quan điểm phát triển nêu rõ ý nghĩa của các đột phá chiến lược đối với phát triển đất nước, mối quan hệ giữa đột phá chiến lược với các hướng phát triển khác; phần mục tiêu phát triển xác định trọng tâm của giai đoạn 2021 - 2025 là tập trung vào giải quyết các vấn đề đột phá chiến lược, trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 tập trung vào phát huy lan tỏa của các đột phá chiến lược; phần định hướng phát triển nêu rõ định hướng phát triển của ác đột phá chiến lược, đột phá chiến lược có trong các định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và vùng; phần giải pháp phát triển chú ý đến giải pháp giải quyết các vấn đề đột phá chiến lược (ưu tiên nguồn lực, thành phần tham gia...), giải pháp phát huy kết quả lan tỏa của các đột phá chiến lược; phần tổ chức thực hiện chú trọng việc triển khai các đột phá chiến lược, chú trọng việc theo dõi, đánh giá và điều chỉnh nội dung cụ thể của các đột phá chiến lược.

*Sáu là*, ở nước ta, vai trò, sứ mệnh của KH&CN đã được Đảng khẳng định khá nhiều và khá sớm, đó là: cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt trong ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa) phải tiến hành đồng thời để đưa Việt Nam đi lên CNXH (Đại hội Đảng lần thứ III - năm 1960, Đại hội Đảng lần thứ IV - năm 1976); KH&CN là một động lực mạnh mẽ của sự nghiệp đổi mới, ổn định tình hình và phát triển kinh tế (Đại hội Đảng lần thứ VI - năm 1986); KH&CN là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển KT-XH (Hội nghị BCH TƯ lần thứ 2 (khoá VIII) - năm 1996, Đại hội Đảng lần thứ IX - năm 2001); KH&CN đóng vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức (Đại hội Đảng lần thứ X - năm 2006); KH&CN là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế (Đại hội

Đảng lần thứ XI - 2011); KH&CN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc (Hội nghị lần thứ 6, khóa XI - 2012).

Quan điểm về vai trò, sứ mệnh của KH&CN của Đảng trải qua những thay đổi, điều chỉnh về một số mặt: trước hết là thay đổi về mức độ quan trọng của KH&CN (từ “then chốt” đến “động lực”, “quốc sách hàng đầu”), từ đề cập lần lượt từng vai trò đến nhấn mạnh đồng thời vừa là quốc sách hàng đầu, vừa là động lực...; thứ hai, thay đổi về phạm vi phát huy, mục tiêu phục vụ của KH&CN; thứ ba, thay đổi về các quan hệ định vị rõ vai trò của KH&CN; thứ tư, chú ý đến mức độ phát huy trên thực tế của KH&CN. Những điều chỉnh này có ý nghĩa khắc phục tình trạng hình thức, thiếu thực chất trong quan niệm về vai trò của KH&CN. Đồng thời cũng nêu lên

sự khó khăn, cần nỗ lực phấn đấu để KH&CN thể hiện như kỳ vọng.

Tuy nhiên, nhìn vào thực tế, vẫn cần khẳng định, KH&CN chưa thực hiện được vai trò “then chốt” - “nền tảng” - “quốc sách”. Trong một số văn bản của Đảng và Nhà nước đã nêu nguyên nhân của các hạn chế trong lĩnh vực KH&CN ở nước ta. Tổng hợp lại, có thể quy các nhận định về nguyên nhân liên quan tới việc cản trở thực hiện vai trò của KH&CN về bốn nhóm là: Nguyên nhân từ bối cảnh; Nguyên nhân từ nhận thức; Nguyên nhân từ thể chế hóa, nguyên nhân từ các biện pháp thực hiện. Những nội dung về đột phá chiến lược của doanh nghiệp hoạt động KH, CN&ĐMST sẽ là một đóng góp mới vào đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò của KH, CN&ĐMST một cách thực chất và thực tế♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Ban Kinh tế trung ương (2017): *Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Ngân hàng Thế giới – Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*.
3. Các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, XII.
4. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo cùng cố nền tảng kinh tế vĩ mô và động lực tăng trưởng của nền kinh tế đến năm 2020*.
6. OECD (2016): *OECD Science, Technology and Innovation Outlook 2016*, OECD Publishing, Paris.

### Thông tin tác giả:

PGS.TS. HOÀNG XUÂN LONG *Viện Chiến lược và Chính sách khoa học công nghệ*  
 HOÀNG LAN CHI *Bộ Khoa học và Công nghệ*  
 Email: [hoangxuan\\_long@yahoo.com](mailto:hoangxuan_long@yahoo.com)